



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 111 /NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 11 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Phân bổ ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện các chương trình
mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 26**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính
sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính
phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc
gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm
2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình
mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2022 của
Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân
bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực
hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào
dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến
năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày
27 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 5 của
Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ
lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc
gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai
đoạn 2021 - 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao
Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 5 năm
2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng;*

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ vốn nguồn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Nghị quyết phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (lần 2); Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Nghị quyết phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 -2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (lần 3);

Xét Tờ trình số 3186/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc ban hành Nghị quyết phân bổ ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, như sau:

1. Tổng kế hoạch vốn ngân sách nhà nước là 966.371,952 triệu đồng, trong đó:

Ngân sách Trung ương là 954.644 triệu đồng (*Vốn đầu tư: 931.425 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 23.219 triệu đồng*); Đối ứng ngân sách địa phương là 11.727,952 triệu đồng (*Vốn đầu tư*), cụ thể:

a) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi 621.769 triệu đồng (*Vốn đầu tư ngân sách trung ương 621.769 triệu đồng*).

(Chi tiết phân bổ vốn tại phụ lục 01 kèm theo)

b) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 253.806 triệu đồng (*Vốn đầu tư Ngân sách trung ương: 253.806 triệu đồng*).

(Chi tiết phân bổ vốn tại phụ lục 02 kèm theo)

c) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 90.796,952 triệu đồng, trong đó:

- Vốn Ngân sách trung ương: 79.069 triệu đồng (*Vốn đầu tư: 55.850 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 23.219 triệu đồng*).

(Chi tiết phân bổ vốn tại phụ lục 03, phụ lục 04 kèm theo)

- Đối ứng ngân sách tỉnh: 11.727,952 triệu đồng.

(Chi tiết phân bổ vốn tại phụ lục 03 kèm theo)

2. Phân bổ chi tiết dự án đầu tư cho các sở, ban, ngành của tỉnh với Tổng số vốn là 24.616,370 triệu đồng (*Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững*).

(Chi tiết như phụ biểu 01 kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Căn cứ Nghị quyết này, quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia cho các đơn vị, địa phương; quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện phân bổ ngân sách nhà nước, danh mục dự án đầu tư năm 2025; khẩn trương hoàn thành thủ tục đầu tư, tổ chức triển khai thực hiện các dự án đảm bảo đúng quy định hiện hành

và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tình hình phân bổ ngân sách nhà nước, danh mục dự án đầu tư tại kỳ họp gần nhất và kỳ họp thường lệ giữa năm.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ 26 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Triệu Đình Lê

BẢNG TỔNG HỢP
VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên chương trình	Số vốn	Ghi chú
A	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	954.644,000	
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi	621.769,000	
1	Vốn đầu tư	621.769,000	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	253.806,000	
1	Vốn đầu tư	253.806,000	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	79.069,000	
1	Vốn đầu tư	55.850,000	
2	Vốn sự nghiệp	23.219,000	
B	ĐỐI ỨNG	11.727,952	
I	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	11.727,952	
1	Vốn đầu tư	11.727,952	
	TỔNG CỘNG	966.371,952	

Phụ lục 01

**BIỂU PHÂN VỐN ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG	Kế hoạch vốn năm 2025							Ghi chú
		Tổng vốn	Dự án 1	Dự án 2	Dự án 4	Dự án 5	Dự án 6	Dự án 9	
A	B	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Sở, ban, ngành tỉnh	0,000							
II	Cấp huyện	621.769,000	32.433,000	62.441,000	463.715,000	44.290,000	490,000	18.400,000	
1	Bảo Lâm	79.003,000	3.741,000	19.482,000	45.405,000	2.520,000	173,000	7.682,000	
2	Bảo Lạc	91.356,000	3.680,000	9.642,000	55.334,000	11.982,000		10.718,000	
3	Nguyen Binh	71.075,000	3.127,000		58.961,000	8.987,000			
4	Hà Quảng	78.462,000	3.679,000	2.013,000	66.030,000	6.740,000			
5	Hòa An	57.718,000	3.127,000	7.308,000	42.790,000	4.493,000			
6	Trùng Khánh	66.886,000	3.679,000		59.462,000	3.745,000			
7	Hạ Lang	50.644,000	2.730,000		45.667,000	2.247,000			
8	Quảng Hoà	69.465,000	920,000	21.741,000	43.808,000	2.996,000			
9	Thạch An	55.688,000	6.278,000	2.255,000	46.258,000	580,000	317,000		
10	TP. Cao Bằng	1.472,000	1.472,000						
	TỔNG CỘNG	621.769,000	32.433,000	62.441,000	463.715,000	44.290,000	490,000	18.400,000	

PHỤ LỤC 02

**BIỂU PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Tên huyện	Tổng vốn NSTW	Dự án 1			Dự án 4			Ghi chú
			Tổng cộng	Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2	Cộng	Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 3	
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8
1	Bảo Lâm	26.208,300	26.208,300	26.208,300					
2	Bảo Lạc	21.512,000	21.512,000	21.512,000					
3	Hạ Lang	31.512,000	31.512,000	31.512,000					
4	Hà Quảng	35.742,000	35.742,000	35.742,000					
5	Thạch An	31.512,000	31.512,000	31.512,000					
6	Nguyên Bình	44.972,000	44.972,000	44.972,000					
7	Trùng Khánh	35.694,257	35.694,257	35.694,257					
8	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	2.037,073				2.037,073		2.037,073	
9	Trường TC nghề	24.616,370				24.616,370	24.616,370		Chi tiết như phụ biểu 01
Tổng cộng		253.806,000	227.152,557	227.152,557		26.653,443	24.616,370	2.037,073	

PHỤ LỤC 03
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Huyện/xã	Kế hoạch giai đoạn 2021 -2025	Đã phân bổ 2021 -2024	Kế hoạch năm 2025		Ghi chú
				NSTW	Vốn đối ứng	
	Tổng cộng	395.360,000	339.510,000	55.850,000	11.727,952	
1	Huyện Quảng Hòa	71.895,324	56.795,324	15.100,000	4.700,000	
(1)	Đầu tư cấp huyện	40.000,000	30.650,000	9.350,000	4.700,000	
(2)	Đầu tư cấp xã	31.895,324	26.145,324	5.750,000		
2	Huyện Hòa An	67.892,676	53.992,676	13.900,000	4.363,580	
(1)	Đầu tư cấp huyện	40.000,000	30.270,000	9.730,000	4.163,580	
(2)	Đầu tư cấp xã	27.892,676	23.722,676	4.170,000	200,000	
3	Huyện Bảo Lạc	27.690,000	26.750,000	940,000	400,000	
4	Huyện Bảo Lâm	44.440,000	37.690,000	6.750,000	564,372	
5	Huyện Hạ Lang	21.210,000	20.320,000	890,000	300,000	
6	Huyện Hà Quảng	36.873,000	32.603,000	4.270,000	300,000	
7	Huyện Nguyên Bình	48.810,000	45.580,000	3.230,000	300,000	
8	Huyện Thạch An	23.973,000	21.193,000	2.780,000	300,000	
9	Huyện Trùng Khánh	42.496,000	36.266,000	6.230,000	300,000	
10	Thành phố Cao Bằng	10.080,000	8.320,000	1.760,000	200,000	

Phụ biểu 01
BIỂU CHI TIẾT DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025 GIAO CHO CÁC SỞ, BAN, NGÀNH CỦA TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư						Dự kiến bố trí vốn trung hạn 2021-2025					Đã giao hết năm 2024					Kế hoạch năm 2025					Ghi chú
					Quyết định đầu tư	Tổng số	NSTW	Đối ứng NSDP		Huy động khác và nhân dân	Tổng số	NSTW	Đối ứng NSDP		Huy động khác và nhân dân	Tổng số	NSTW	Đối ứng NSDP		Huy động khác và nhân dân	Tổng số	NSTW	Đối ứng NSDP		Huy động khác và nhân dân	
								NS tỉnh	NS huyện				NS tỉnh	NS huyện				NS tỉnh	NS huyện				NS tỉnh	NS huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
A	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững																									
I	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững																				24.616,370	24.616,370				
I.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn					77.506,000	77.506,000				77.506,000	77.506,000				52.889,630	52.889,630				24.616,370	24.616,370				
1	Nâng cấp, xây dựng mới trường Trung cấp nghề, tỉnh Cao Bằng	TPCB	Theo QĐ phê duyệt	2022-2025	1906/QĐ-UBND, 21/12/2022	77.506,000	77.506,000				77.506,000	77.506,000				52.889,630	52.889,630				24.616,370	24.616,370				